

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1982.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị L có mặt; anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/5/2002 chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Ngọc S tại Ủy ban nhân dân xã X trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại phố B, thị trấn N, huyện N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng

chị hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh S không tu chí làm ăn chăm lo cho hạnh phúc gia đình, vợ chồng lại không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Đến năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh S đã chuyển về ở cùng mẹ đẻ ở thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ đó vợ chồng chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc S.

* Về con chung: Chị L xác định chị và anh Phạm Ngọc S có 02 con chung là các cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 19/3/2003 và Phạm Đức T, sinh ngày 08/4/2010. Hiện hai cháu đều đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai cháu Ngọc L và Đức T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định chị và anh S sẽ tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Ngọc S: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã thụ lý giải quyết vụ án về việc chị Phạm Thị L xin ly hôn với anh, nhưng anh S vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình và hiện ở tại thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L:

Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Phạm Ngọc S.

Về con chung: Giao các cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 19/3/2003 và Phạm Đức T, sinh ngày 08/4/2010 cho chị Phạm Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N thì thời điểm chị Phạm Thị L xin ly hôn với anh Phạm Ngọc S, anh S có hộ khẩu tại phố B, thị trấn N tuy nhiên từ năm 2015, anh S đã chuyển đi

nơi khác sinh sống. Ủy ban nhân dân xã X xác định anh S hiện sinh sống cùng mẹ là bà Bùi Thị T ở thôn Đ, xã X, huyện N. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 11/10/2019 của bà Bùi Thị T là mẹ đẻ anh S, bà T cũng xác định hiện tại anh S đang ở cùng bà ở thôn Đ, xã X. Nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh Phạm Ngọc S: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh S theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N bà Bùi Thị T đã nhận và thông báo cho anh S. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa anh S vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, thấy rằng:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Phạm Ngọc S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L, anh S sinh sống tại phố B, thị trấn N, huyện N. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh S hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân là do anh S không tu chí làm ăn chăm lo cho hạnh phúc gia đình, vợ chồng lại không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Đến năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh S đã chuyển về ở cùng mẹ đẻ ở thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ đó vợ chồng chị L, anh S sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Ngọc S có 02 con chung là các cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 19/3/2003 và Phạm Đức T, sinh ngày 08/4/2010. Hiện hai cháu đều đang ở với chị L. Xét hai cháu Ngọc L và Đức T đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bản thân chị L đi làm và có thu nhập. Do vậy, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao cháu Phạm Ngọc L và Phạm Đức T cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định chị và anh S sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 5, 28, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Phạm Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 19/3/2003 và cháu Phạm Đức T, sinh ngày 08/4/2010, hiện hai cháu đang ở với chị L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị L xác định chị và anh S sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000^d theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000262 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ

